

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS - ST

Ngày 02/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hồng Thái

Ông D Thanh Trầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 6 và ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST-HS, ngày 21 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo.

Phạm Thị H - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 05 tháng 9 năm 1982 tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Kh, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; dân tộc: Kinh; giới T: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Mặc H và bà Trần Thị H; Chồng là Đặng Văn S và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/12/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Anh Đặng Văn S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Kh, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

2. Anh Lự Văn T, sinh năm 1989.

3. Chị Nông Thị B, sinh năm 1985.

4. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1980.

5. Anh Lộc Văn Y, sinh năm 1985.

6. Chị Lý Thị T, sinh năm 1987.

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Đều vắng mặt, có lý do.

7. Chị Nông Thị T, sinh năm 1980.

8. Chị Nông Thị H, sinh năm 1975.

9. Bà Nông Thị L, sinh năm 1964

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Đều vắng mặt, có lý do.

10. Anh Nông Văn T, sinh năm 1980.

11. Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1980.

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có lý do.

12. Anh Đỗ Hải D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn N, xã Th, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có lý do.

13. Anh Hà Hải C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn Ph, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có lý do.

14. Anh Chu Thế H, sinh năm 1974.

15. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Đều có địa chỉ: Tiểu khu x, thị trấn Ch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 40 phút ngày 16/7/2019 tại nhà ở của Phạm Thị H tại thôn Kh, xã Ng, huyện Pác Nặm, tổ công tác Công an huyện Pác Nặm bắt quả tang Phạm Thị H đang có hành vi thực hiện giao dịch cho vay lãi nặng với Hoàng Văn L sinh năm 1980 trú tại thôn B, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Tạm giữ 01 giấy vay tiền với số tiền vay 4.000.000 đồng giữa Phạm Thị H và Hoàng Văn L,

Lục Văn Y, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn L và Lộc Thị Q; Qua đấu tranh ban đầu H khai nhận ngày 09/4/2018 H có cho Hoàng Văn L và Lục Văn Y vay số tiền 4.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 100.000 đồng/1triệu/1tháng, ngày 16/7/2019 H đang chuẩn bị nhận số tiền gốc và tiền lãi là 3.900.000đồng do Hoàng Văn L trả thì bị bắt quả tang, H đã tự nguyện giao nộp 05 giấy vay tiền, 02 quyển sổ loại sổ An Khánh và một số đồ vật, tài liệu L quan đến việc cho vay lãi nặng.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Thị H. Quá trình khám xét thu giữ 01 giấy vay tiền giữa Phạm Thị H và Nông Thị H.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Thị H khai nhận: H không có giấy phép trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, đầu năm 2018 gia đình H bán lợn được gần một trăm triệu đồng, ngày 23/12/2017 âm lịch, anh Lữ Văn T là người cùng xã Nghiên Loan đến vay 15.000.000 đồng và thỏa thuận trả lãi 100.000 đồng/01triệu/01tháng bằng 120%/năm của khoản tiền vay, thấy được lãi cao hơn tiền lãi gửi ngân hàng, nên sau đó có ai đến vay tiền H đều cho vay với mức lãi suất từ 84%/năm đến 146%/năm của khoản tiền vay, mức lãi suất cụ thể của từng lần vay phụ thuộc vào số tiền vay, thời gian vay và mối quan hệ giữa H và người vay, do có nhiều người có nhu cầu vay tiền, nên H đã cùng với chồng là Đặng Văn S đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Pác Nặm và Ngân hàng TH mại cổ phần Bưu điện L Việt Chi nhánh Bắc Kạn - Phòng giao dịch Ba Bể được tổng số tiền 315.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2018 đến nay, H đã cho 10 người ở trong và ngoài địa bàn huyện Pác Nặm vay tiền 20 lần với lãi suất vượt quá mức lãi suất tối đa 20%/năm quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, trong đó có 08 người vay 13 lần với lãi suất cao gấp 5 lần trở lên so với mức lãi suất tối đa quy định để thu lợi bất chính. Khi cho vay, một số trường hợp H có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép lái xe, thẻ Agribank để làm tin. Việc cho vay giữa H với những người đi vay được lập thành văn bản và chỉ lập một bản do H giữ để làm căn cứ đòi nợ, khi nào người vay trả hết nợ gốc và lãi thì H giao lại giấy vay tiền cho người vay. Nội dung giấy vay tiền chỉ ghi tên người cho vay và người vay, số tiền vay và ngày vay, còn thời điểm người vay phải trả nợ gốc và mức lãi suất phải trả hằng tháng thì không ghi vào hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng. Việc không ghi thời gian người vay tiền phải trả nợ gốc là do người vay tiền khi đến vay, chỉ nói vay vài tháng mà không ấn định thời gian trả nợ cụ thể, thấy nội dung này phù hợp với

mục đích của H là người vay vay càng lâu càng tốt, miễn là hằng tháng trả lãi suất đầy đủ là được, nên H không ghi vào giấy vay tiền, tuy nhiên thời điểm cho vay tiền, số tiền cho vay và tiến độ trả lãi hằng tháng hoặc người vay trả tiền gốc đều được H ghi chi tiết vào 02 quyển sổ loại sổ An Khánh để theo dõi.

Số lần thực hiện cho vay lãi nặng của Phạm Thị H gồm có: Cho anh Lữ Văn T sinh năm 1989 trú tại thôn B, xã Ng vay 04 lần; chị Nông Thị T sinh năm 1980 trú tại thôn N, xã Đ, huyện Ba Bể vay 01 lần; anh Hoàng Văn L sinh năm 1980 trú tại thôn B, xã Ng vay 01 lần; chị Hoàng Thị V sinh năm 1980 trú tại thôn N, xã Ng vay 02 lần; anh Đỗ Hải D sinh năm 1984 trú tại thôn N, xã Th, huyện Ba Bể vay 01 lần; anh Lộc Văn Y sinh năm 1985 trú tại thôn B, xã Ng vay 02 lần; chị Nông Thị H sinh năm 1975 trú tại thôn N, xã Đ, huyện Ba Bể vay 01 lần; Hà Hải C sinh năm 1976 trú tại Phố Đ, thị trấn Ph, huyện Bạch Thông vay 01 lần; chị Nguyễn Thị H sinh năm 1980 trú tại Tiểu khu x, thị trấn Ch, huyện Ba Bể vay 05 lần; chị Nông Thị L sinh năm 1964 trú tại thôn N, xã Đ, huyện Ba Bể vay 02 lần. Cụ thể từng lần vay như sau:

Ngày 23/12/2017 âm lịch (tức ngày 08/02/2018 D lịch), H cho anh Lữ Văn T vay số tiền 15.000.000 đồng để mua gỗ, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay. T cầm cố 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 909xxx mang tên Lữ Văn T, Cà Thị T. Ngày 23/01 và 23/02/2018 mỗi tháng anh T đã trả H 1.500.000 đồng tiền lãi, ngày 23/3/2018 âm lịch T đã trả cho H số tiền gốc 15.000.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền lãi. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 3.750.000 đồng. $(4.500.000 \text{ đồng} - 15.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 03 \text{ tháng} = 3.750.000 \text{ đồng})$.

Ngày 07/02/2018 âm lịch H cho chị Nông Thị T vay số tiền 60.000.000 đồng để sửa chữa nhà cửa, lãi suất thỏa thuận 90.000 đồng/01triệu/01tháng tương đương 108%/năm của khoản tiền vay, H lấy số tiền 1.500.000 đồng mà anh T đã trả lãi trước đó nhưng chưa cho ai vay và bù thêm vào 58.500.000 đồng đưa cho T. T cầm cố 01 thẻ Agribank mang tên Nông Thị T. Ngày 07/3/2018 chị T đã trả cho H 5.400.000 đồng tiền lãi, ngày 07/8/2018 do chưa có tiền nên chị T trả cho H được 5.000.000 đồng tiền lãi của tháng tiếp theo, đến nay chị T chưa trả tiền gốc và tiền lãi còn lại cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 8.400.000 đồng. $(10.400.000 \text{ đồng} - 60.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 02 \text{ tháng} = 8.400.000 \text{ đồng})$.

Ngày 24/02/2018 âm lịch, H cho anh Lộc Văn Y vay số tiền 2.000.000 đồng để đào ao, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, H lấy số tiền 1.500.000 đồng mà T đã trả tiền lãi vào ngày 23/02/2018 và bù thêm 500.000 đồng đưa cho Y. Ngày 05/3/2018 Y đến trả tiền gốc 2.000.000 đồng và lãi thì H lấy 84.000 đồng tiền lãi. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 70.700 đồng. ($84.000 \text{ đồng} - 2.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 12 \text{ ngày} = 70.700 \text{ đồng}$).

Ngày 24/02/2018 âm lịch, H cho anh Hoàng Văn L vay số tiền 2.000.000 đồng để mua máy móc nông nghiệp, lãi suất thỏa thuận 100.000 đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay. L cầm cố 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 665920 của Hoàng Văn L, Lộc Thị Q. Ngày 24/12/2018 do chưa đủ tiền nên L trả cho H 1.100.000 đồng tiền lãi tương đương với 5 tháng rưỡi, ngày 16/7/2019 D lịch khi L và H vừa chốt sổ xong, L đang chuẩn bị trả số tiền gốc 2.000.000 đồng và 1.900.000 đồng số tiền lãi còn lại cho H thì bị Công an huyện Pác Nặm bắt quả tang và thu giữ vật chứng. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 2.500.000 đồng. ($3.000.000 \text{ đồng} - 2.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 15 \text{ tháng} = 2.500.000 \text{ đồng}$).

Ngày 27/02/2018 âm lịch, H cho chị Nông Thị L vay số tiền 150.000.000 đồng để chữa bệnh, lãi suất thỏa thuận 70.000 đồng/01triệu/01tháng tương đương 84%/năm của khoản tiền vay. Ngày 27/5/2018 L trả cho H số tiền gốc 150.000.000 đồng và 15.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi còn lại đến nay L chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 7.500.000 đồng. ($15.000.000 \text{ đồng} - 150.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 03 \text{ tháng} = 7.500.000 \text{ đồng}$).

Ngày 04/3/2018 âm lịch, H cho anh Lự Văn T vay số tiền 5.000.000 đồng để trả tiền tH người khai thác gỗ, lãi suất thỏa thuận 100.000 đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay. Đến nay số tiền gốc và lãi T chưa trả cho H.

Ngày 05/3/2018 âm lịch, H cho anh Lộc Văn Y vay số tiền 30.000.000 đồng để đào ao, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay. H lấy số tiền 2.084.000 đồng mà Y vừa trả cho khoản vay trước đó còn chưa cho ai vay, đồng thời bù thêm 27.916.000 đồng đưa cho Y, trong các ngày 06/4; 07/5; 08/6; 10/7; 11/8; 12/9 của năm 2018 mỗi tháng Y trả cho H 3.000.000 đồng tiền lãi, ngày 14/10/2018 do chưa đủ tiền nên Y đưa trước 2.000.000 đồng tiền lãi của tháng 10/2018, ngày 16/3/2019 Y đã trả cho H

30.000.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi còn lại đến nay Y chưa trả. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 16.500.000 đồng. ($20.000.000 \text{ đồng} - 30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 07 \text{ tháng} = 16.500.000 \text{ đồng}$).

Ngày 24/3/2018 âm lịch, H cho Lữ Văn T vay số tiền 30.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 4.000đồng/01triệu/01ngày tương đương 146%/năm của khoản tiền vay. H lấy số tiền 5.400.000 đồng do Nông Thị T và 16.500.000 đồng do Lữ Văn T đã trả cho khoản vay trước đó còn chưa cho ai vay, đồng thời bù thêm 8.100.000 đồng đưa cho T, ngay trong ngày 24/3/2018 T trả lại cho H số tiền 30.000.000 đồng tiền gốc và 120.000 đồng tiền lãi. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 103.500 đồng. ($120.000 \text{ đồng} - 30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 01 \text{ ngày} = 103.500 \text{ đồng}$).

Ngày 27/3/2018 âm lịch, H cho chị Nông Thị L vay số tiền 10.000.000 đồng để chữa bệnh, lãi suất thỏa thuận 70.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 84%/năm của khoản tiền vay. H lấy số tiền do Lữ Văn T trả cho khoản vay trước đó còn chưa cho ai vay đưa cho L, ngày 27/5/2018 L đã trả lại số tiền gốc là 10.000.000 đồng cho H, tiền lãi còn nợ lại, đến nay chưa trả cho H.

Ngày 29/3/2018 âm lịch, H cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 40.000.000 đồng để chữa bệnh, lãi suất thỏa thuận 70.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 84%/năm của khoản tiền vay. H lấy số tiền do Lữ Văn T trả cho khoản vay trước đó chưa cho vay hết và bù thêm 19.880.000 đồng đưa cho H, ngày 29 của các tháng 4 đến tháng 9/2018 mỗi tháng H trả cho H 2.800.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 16.800.000 đồng, số tiền gốc và tiền lãi còn lại đến nay H chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 12.800.000 đồng ($16.800.000 \text{ đồng} - 40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng} = 12.800.000 \text{ đồng}$).

Ngày 03/4/2018 âm lịch, H cho anh Lữ Văn T vay số tiền 15.000.000 đồng để mua gỗ, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, ngày 10/9/2018 chị Nông Thị B là vợ của T trả cho H 3.000.000 đồng tiền lãi tương đương với số tiền lãi của 02 tháng. Số tiền gốc và tiền lãi còn lại đến nay T chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 2.500.000 đồng. ($3.000.000 \text{ đồng} - 15.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 02 \text{ tháng} = 2.500.000 \text{ đồng}$).

Ngày 05/4/2018 âm lịch, H cho chị Hoàng Thị V vay số tiền 30.000.000 đồng để mua gỗ, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay. V cầm cố 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 909816 của Nông Văn T và Hoàng Thị V. Ngày 05 của các tháng 5; 6; 7;

8 và 9/2018 mỗi tháng V trả cho H 3.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 15.000.000 đồng, số tiền gốc và tiền lãi còn lại đến nay V chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 12.500.000 đồng. ($15.000.000 \text{ đồng} - 30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 05 \text{ tháng} = 12.500.000 \text{ đồng}$).

Ngày 12/4/2018 âm lịch, H cho chị Hoàng Thị V vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng để mua gỗ, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, H lấy số tiền 3.000.000 đồng mà Lục Văn Y đã trả cho khoản vay trước đó còn chưa cho ai vay và bù thêm 7.000.000 đồng đưa cho V. Ngày 12 của các tháng 5; 6; 7; 8 và 9/2018 mỗi tháng V trả cho H 1.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 5.000.000 đồng. Ngày 12/4/2019 V đến nhà H chốt sổ nợ và thỏa thuận H không tiếp tục thu tiền lãi nữa. Ngày 12/6/2019 âm lịch V trả cho H 10.000.000 đồng tiền gốc, số tiền lãi còn lại đến nay V chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 4.166.500 đồng. ($5.000.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 05 \text{ tháng} = 4.160.500 \text{ đồng}$).

Ngày 18/4/2018 âm lịch, H cho anh Hà Hải C vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay. C cầm cố 01 giấy phép lái xe số 060066003425 mang tên Hà Hải C. Ngày 18/5/2018 C trả cho H 1.000.000 đồng tiền lãi của tháng thứ nhất, ngày 28/10/2018 C trả cho H 2.000.000 đồng tiền lãi của 02 tháng tiếp theo, số tiền gốc và tiền lãi còn lại đến nay C chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 2.500.000 đồng. ($3.000.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 03 \text{ tháng} = 2.500.000 \text{ đồng}$).

Ngày 21/4/2018 âm lịch, H cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 55.000.000 đồng để chữa bệnh, lãi suất thỏa thuận 80.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 96%/năm của khoản tiền vay, ngày 21 của các tháng 5, 6 /2018 mỗi tháng H trả cho H 4.400.000 đồng tiền lãi, còn lại các tháng 7, 8, 9/2018 H trả cho H 3.850.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 20.350.000 đồng, số tiền gốc và tiền lãi còn lại đến nay H chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 15.766.500 đồng. ($20.350.000 \text{ đồng} - 55.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 05 \text{ tháng} = 15.766.500 \text{ đồng}$).

Ngày 01/5/2018 âm lịch, H cho Nguyễn Thị H vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng để chữa bệnh, lãi suất thỏa thuận 80.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 96%/năm của khoản tiền vay, H lấy số tiền 2.800.000 đồng H trả lãi trước đó chưa cho ai vay và bù thêm vào 27.200.000 đồng đưa cho H, ngày 01 của các

tháng 6, 7/2018 mỗi tháng H trả cho H 2.400.000 đồng tiền lãi, các tháng 8, 9/2018 H trả cho H mỗi tháng 2.100.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 9.000.000 đồng, số tiền gốc và tiền lãi còn lại đến nay H chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 7.000.000 đồng. $(9.000.000 \text{ đồng} - 30.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 04 \text{ tháng} = 7.000.000 \text{ đồng})$.

Ngày 16/5/2018 âm lịch, H cho Nguyễn Thị H vay tiếp số tiền 40.000.000 đồng để chữa bệnh, lãi suất thỏa thuận 80.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 96%/năm của khoản tiền vay, H lấy số tiền 7.000.000 đồng của những người đã trả tiền lãi trước đó nhưng chưa cho ai vay như Nông Văn T trả ngày 05/5/2018 là 3.000.000 đồng, ngày 12/5/2018 là 1.000.000 đồng; Lục Văn Y trả ngày 07/5/2018 là 3.000.000 đồng và bù thêm vào 33.000.000 đồng đưa cho H. Ngày 16 của các tháng 6, 7/2018 mỗi tháng H trả cho H 3.200.000 đồng tiền lãi, các tháng 8, 9/2018 H trả cho H mỗi tháng 2.800.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 12.000.000 đồng, số tiền gốc và tiền lãi còn lại đến nay H chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 9.333.300 đồng. $(12.000.000 \text{ đồng} - 40.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 04 \text{ tháng} = 9.333.300 \text{ đồng})$.

Ngày 25/6/2018 âm lịch, H cho Đỗ Hải D vay số tiền 10.000.000 đồng để mua hàng hóa, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, H lấy số tiền 10.000.000 đồng trong khoản tiền 180.400.000 đồng mà Nông Thị L và những người vay khác trả tiền gốc và lãi trước đó chưa cho ai vay đưa cho D, ngày 25 của các tháng 7; 8; 9; 10 và 11/2018 mỗi tháng D trả cho H 1.000.000 đồng tiền lãi, ngày 25/12/2018 D trả cho H 1.000.000 đồng tiền lãi và 5.000.000 đồng tiền gốc, ngày 10/4/2019 D trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.750.000 đồng tiền lãi cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 6.458.300 đồng. $(7.750.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 7,5 \text{ tháng} = 6.458.300 \text{ đồng})$.

Ngày 11/7/2018 âm lịch, H cho Nguyễn Thị H vay tiếp số tiền 160.000.000 đồng để chữa bệnh, lãi suất thỏa thuận 80.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 96%/năm của khoản tiền vay, H lấy số tiền 170.400.000 đồng trong khoản tiền mà Nông Thị L và những người vay khác trả tiền gốc và lãi trước đó chưa cho ai vay đưa cho H, ngày 11 của các tháng 8, 9/2018 mỗi tháng H trả cho H 12.800.000 đồng, tổng cộng là 25.600.000 đồng, số tiền gốc và tiền lãi còn lại đến nay H chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 20.266.700 đồng. $(25.600.000 \text{ đồng} - 160.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 02 \text{ tháng} = 20.266.700 \text{ đồng})$.

Ngày 13/11/2018 âm lịch, H cho Nông Thị H vay số tiền 5.000.000 đồng để mua thuốc chữa bệnh, lãi suất thỏa thuận 100.000 đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, H lấy số tiền 5.000.000 đồng trong khoản tiền mà những người vay khác trả tiền gốc và lãi trước đó chưa cho ai vay đưa cho H, ngày 13/12/2018 H trả cho H 500.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc và tiền lãi còn lại đến nay H chưa trả cho H. Trong lần cho vay này H đã thu lợi bất chính được số tiền 416.600 đồng. $(500.000 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 01 \text{ tháng} = 416.600 \text{ đồng})$.

Lời khai của bị can Phạm Thị H phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 12/4/2020 và đính chính số liệu nội dung bản cáo trạng số 190/CV-VKSPN ngày 20/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, đã truy tố bị cáo Phạm Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như trong bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 50; điểm i, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị H mức án từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo:

Bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận lại với đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như

vậy, các hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng thời gian từ tháng 02/2018 đến ngày 16/7/2019, tại nhà ở của mình tại thôn Kh, xã Ng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, Phạm Thị H đã sử dụng 179.016.000 đồng cho 08 người vay với 13 giao dịch thu lãi suất từ 100%/năm đến 146%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính 59.865.600 đồng. (vượt mức cho phép quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự) cụ thể các lần giao dịch như sau:

1. Ngày 23/12/2017 âm lịch (tức ngày 08/02/2018 dương lịch), H cho anh Lự Văn T vay số tiền 15.000.000 đồng để mua gỗ, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 3.750.000đ.

2. Ngày 07/02/2018 âm lịch H cho chị Nông Thị T vay số tiền 60.000.000 đồng để sửa chữa nhà cửa, lãi suất thỏa thuận 90.000 đồng/01triệu/01tháng tương đương 108%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 8.400.000đ.

3. Ngày 24/02/2018 âm lịch, H cho anh Lộc Văn Y vay số tiền 2.000.000 đồng để đào ao, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 70.700đ.

4. Ngày 24/02/2018 âm lịch, H cho anh Hoàng Văn L vay số tiền 2.000.000 đồng để mua máy móc nông nghiệp, lãi suất thỏa thuận 100.000 đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 2.500.000đ.

5. Ngày 04/3/2018 âm lịch, H cho anh Lự Văn T vay số tiền 5.000.000 đồng để trả tiền tH người khai thác gỗ, lãi suất thỏa thuận 100.000 đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay.

6. Ngày 05/3/2018 âm lịch, H cho anh Lộc Văn Y vay số tiền 30.000.000 đồng để đào ao, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 16.500.000đ.

7. Ngày 24/3/2018 âm lịch, H cho Lự Văn T vay số tiền 30.000.000 đồng để đảo nợ ngân hàng, lãi suất thỏa thuận 4.000đồng/01triệu/01ngày tương đương 146%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 103.500đ.

8. Ngày 03/4/2018 âm lịch, H cho anh Lự Văn T vay số tiền 15.000.000 đồng để mua gỗ, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 2.500.000đ.

9. Ngày 05/4/2018 âm lịch, H cho chị Hoàng Thị V vay số tiền 30.000.000 đồng để mua gỗ, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 12.500.000đ.

10. Ngày 12/4/2018 âm lịch, H cho chị Hoàng Thị V vay tiếp số tiền 10.000.000 đồng để mua gỗ, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 4.166.500đ.

11. Ngày 18/4/2018 âm lịch, H cho anh Hà Hải C vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 2.500.000đ.

12. Ngày 25/6/2018 âm lịch, H cho Đỗ Hải D vay số tiền 10.000.000 đồng để mua hàng hóa, lãi suất thỏa thuận 100.000đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 6.458.300đ.

13. Ngày 13/11/2018 âm lịch, H cho Nông Thị H vay số tiền 5.000.000 đồng để mua thuốc chữa bệnh, lãi suất thỏa thuận 100.000 đồng/01triệu/01tháng tương đương 120%/năm của khoản tiền vay, thu lợi bất chính số tiền 416.600đ.

Từ đó có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng pháp luật nghiêm cấm nhưng do háo lợi và coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự khai ra việc giao dịch cho vay lãi nặng và tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, xét thấy đến nay, bị cáo không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, bị cáo có khả năng tự cải tạo vì vậy thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo phạt là phù hợp qua đó để bị cáo có thời gian cải tạo thành người có ích cho xã hội. Không cần thiết phải khấu trừ thu nhập đối với bị cáo vì bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không thuộc hộ nghèo, cận nghèo điều kiện kinh tế khá giả nên cần phạt bị cáo một khoản tiền mới đủ sức răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền gốc mà bị cáo dùng để cho vay lãi nặng là 179.016.000đ là phương tiện phạm tội nên cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước. Trong đó bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 52.016.000đ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Phạm Thị H nhưng hiện chưa trả gốc cho bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 127.000.000đ cụ thể:

Buộc chị Nông Thị T phải nộp số tiền là 60.000.000 đồng;

Buộc anh Lữ Văn T phải nộp số tiền là 20.000.000 đồng;

Buộc chị Hoàng Thị V phải nộp số tiền là 30.000.000 đồng;

Buộc anh Hà Hải C phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng;

Buộc chị Nông Thị H phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng;

Buộc anh Hoàng Văn L phải nộp số tiền là 2.000.000 đồng;

Đối với số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự 12.488.400 đồng mà bị cáo đã thu lời tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên buộc bị cáo phải trả lại cho người vay là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 59.865.600đ cụ thể:

Trả lại cho chị Nông Thị T là 8.400.000đ

Trả lại cho anh Lữ Văn T 6.353.500đ

Trả lại cho chị Hoàng Thị V là 16.666.500đ

Trả lại cho anh Hà Hải C 2.500.000đ

Trả lại cho chị Nông Thị H 416.600đ

Trả lại cho anh Hoàng Văn L 2.500.000đ. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho Hoàng Văn L 3.900.000đ mà cơ quan điều tra đã tạm giữ khi bắt quả tang anh L trả tiền gốc và lãi cho Phạm Thị H, trong đó có 2.000.000đ tiền gốc và 1.900.000đ tiền lãi. Do vậy bị cáo còn phải trả cho anh

Hoàng Văn L số tiền là $(2.500.000đ - 1.900.000đ) = 600.000đ$.

Trả lại cho anh Lộc Văn Y 16.570.700đ

Trả lại cho anh Đỗ Hải D là 6.458.300đ

[7] Đối với Đặng Văn S là người đồng trách nhiệm trả nợ với khoản vay của H tại Ngân hàng, biết việc H cho vay có tính lãi suất, tuy nhiên cụ thể những người vay tiền, từng khoản vay và lãi suất bao nhiêu Sơn không biết, do vậy không đề nghị xử lý là có căn cứ.

Đối với hành vi cho vay với lãi suất chưa vượt quá gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, và hành vi cầm cố tài sản khi cho vay tiền của Phạm Thị H, Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện Pác Nặm để ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền là có căn cứ

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự:

01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 909xxx của Nông Văn T và Hoàng Thị V; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 909xxx của Lự Văn Tàn và Cà Thị Tiên; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 665xxx của Hoàng Văn L, Lộc Thị Q; số tiền 3.900.000 đồng của Hoàng Văn L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm đã trả cho Hoàng Văn L.

09 Giấy vay mượn tiền và 02 quyển sổ ghi nợ là tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do vậy sẽ được lưu trong hồ sơ vụ án.

01 Giấy chứng minh nhân dân số 095298xxx mang tên Phạm Thị H, 01 giấy phép lái xe số 060066003xxx mang tên Hà Hải C, 01 thẻ Agribank mang tên Nông Thị T là những giấy tờ tùy thân nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

01 điện thoại di động bàn phím bấm nhãn hiệu Masstet vỏ màu xanh đậm đã qua sử dụng kèm 01 sim điện thoại Viettel có số seri 8984048701031096375, của bị cáo, tuy nhiên bị cáo không dùng vào việc liên lạc cho vay lãi nặng nên cần trả lại cho bị cáo.

[9] Xét lời luận tội và mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với T chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền mới đủ sức răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tổ tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Ng, Huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Ng, Huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Ng trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập của bị cáo Phạm Thị H

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị H 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Buộc bị cáo Phạm Thị H nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc cho vay lãi nặng là: 52.016.000 đồng.

3.2. Buộc bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 12.488.400 đồng tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự.

3.3. Buộc bị cáo Phạm Thị H phải có trách nhiệm trả lại khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm cho những người có quyền lợi nghĩa liên quan tổng số tiền là 59.865.600đ cụ thể:

Trả lại cho chị Nông Thị T là 8.400.000đ

Trả lại cho anh Lữ Văn T 6.353.500đ

Trả lại cho chị Hoàng Thị V là 16.666.500đ

Trả lại cho anh Hà Hải C 2.500.000đ

Trả lại cho chị Nông Thị H 416.600đ

Trả lại cho anh Hoàng Văn L 600.000đ

Trả lại cho anh Lộc Văn Y 16.570.700đ

Trả lại cho anh Đỗ Hải D là 6.458.300đ,

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật dân sự. Lãi suất phát sinh chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3.4. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ số tiền gốc của bị cáo Phạm Thị H phải nộp số tiền còn nợ vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền 127.000.000đ, cụ thể:

Chị Nông Thị T phải nộp số tiền là 60.000.000 đồng;

Anh Lự Văn T phải nộp số tiền là 20.000.000 đồng;

Chị Hoàng Thị V phải nộp số tiền là 30.000.000 đồng;

Anh Hà Hải C phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng;

Chị Nông Thị H phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng;

Anh Hoàng Văn L phải nộp số tiền 2.000.000đ

4. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại 01(một) chứng minh thư nhân dân số 095298xxx mang tên Phạm Thị H cho bị cáo Phạm Thị H.

- Trả lại 01 (Một) điện thoại di động bàn phím bấm nhãn hiệu Masstet vỏ màu xanh đậm đã qua sử dụng kèm 01 sim điện thoại Viettel có số sêri 8984048701031096375 cho bị cáo Phạm Thị H.

- Trả lại 01(một) giấy phép lái xe số 060066003xxx mang tên Hà Hải C cho anh Hà Hải C, trú tại Phố Đ, thị trấn Ph, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

- Trả lại 01(một) thẻ ATM Agribank mang tên Nông Thị T cho chị Nông Thị T, trú tại thôn N, xã Đ, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn).

09 Giấy vay mượn tiền và 02 quyển sổ ghi nợ là tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do vậy sẽ được lưu trong hồ sơ vụ án.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị H phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Bị cáo. (01b)
- Người có QL,NVLQ. (32b)
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Tuấn